

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Tập 287

Hôm qua giảng đến “Thập Lực”, tiếp theo là “Tứ Vô Úy”.

TỨ VÔ ÚY

Vô úy là ngữ khí khẳng định, là ngữ khí chân thành, khiến cho chúng ta sau khi nghe xong thì có thể đoạn nghi sanh tín. Vô úy cũng được gọi là vô sở úy. Đây là nói Thế Tôn thuyết pháp ở trong đại chúng an nhiên tự tại. Thông thường người phàm phu chúng ta, đặc biệt là người mới bắt đầu học, ở dưới giảng đài thì biết nói chuyện nhưng lên giảng đài thì nói không được, cho nên lên giảng đài cũng phải luyện tập. Nhưng muốn làm giống như Phật, thản nhiên không lo sợ, thì không phải là chuyện dễ dàng. Trong quá khứ, những người thông thường, đặc biệt là người đến nghe giảng Kinh hoặc người nghe giảng pháp, đại khái là họ đều có một chút văn hóa căn bản, hay nói cách khác, những người xưa đều là có sự tu dưỡng văn hóa, dù cho gặp phải người giảng hơi kém một chút thì cũng bao dung, cũng có thể tha thứ cho. Nhưng người hiện nay thì không có tâm độ lượng rộng rãi, chẳng những không có cái tâm độ lượng rộng rãi, mà còn có người chuyên môn đến gây phiền phức. Trong số thánh chúng sau khi nghe xong chuyên môn tìm câu hỏi làm khó bạn. Cho nên, giảng Kinh thuyết pháp ở bên ngoài đích thực không phải chuyện dễ dàng. May mắn là ở Singapore vẫn còn tốt một chút, có lẽ những vị pháp sư trẻ tuổi lên đài giảng Kinh không đến nỗi có người đến gây phiền phức, nhưng ở trong các trường hợp khác thì không thể đảm bảo, đặc biệt là ở nước ngoài.

Tập tục của người nước ngoài và người Trung Quốc không như nhau. Thí dụ như buổi giảng một tiếng rưỡi đồng hồ thì họ chỉ cho bạn giảng có một tiếng, nửa tiếng còn lại thì họ nêu ra câu hỏi để cho bạn trả lời. Đây là cách phổ biến nhất. Cũng có khi họ để cho bạn giảng có nửa tiếng, còn một tiếng là họ nêu ra câu hỏi để cho bạn trả lời. Thật là khó đối phó. Người đặt ra câu hỏi rất là phức tạp. Như ở trong Kinh Phật nói những câu hỏi đó hầu như đều có, họ đến hỏi bạn, thật sự có lúc nghe cũng không hiểu được, có những lúc họ chuyên môn đến gây phiền phức, cho nên bạn cũng phải biết cách đối phó. Nếu đối phó không được thì họ sẽ không lễ độ với bạn, làm cho bạn mất mặt, tục ngữ gọi là làm cho bạn không có lối thoát.

Tôi vẫn nhớ lần đầu tiên đi đến Hồng Kông giảng Kinh, chư vị đồng tu bên đó thỉnh tôi giảng “Kinh Lăng Nghiêm”, thời hạn là bốn tháng, mỗi ngày giảng một tiếng rưỡi hay là hai tiếng đồng hồ, tôi cũng không nhớ. Đó là vào năm 1977. Hôm đó tôi đến Hồng Kông, ở trong Thư viện Phật Giáo Trung Hoa, Quán Trưởng là Pháp sư Thường Hoài. Buổi tối Pháp sư tiếp đãi tôi và nói với tôi tình huống thông thường của những vị Pháp sư đến Hồng Kông giảng Kinh. Ngài nói: *“Pháp Sư Tịnh Không à, trong tâm ông nên chuẩn bị sẵn”*. Tôi hỏi chuẩn bị cái gì? Thói quen nghe giảng Kinh của người Hồng Kông, ngày đầu tiên người đến nghe giảng Kinh rất là đông, ngày cuối cùng mọi người cũng đến rất đông, là có đầu có đuôi, khoảng giữa thì rất ít người đến. Ngài nói ở khoảng giữa có thể chỉ có hai - ba người đến nghe, vì vậy trong tâm ông phải có sự chuẩn bị. Tôi liền nói với Ngài, tôi là người mới học giảng Kinh nên chẳng sao, nếu không có người đến nghe, chỉ cần có bàn ghế sắp bày ở chỗ đó thì tôi giảng cho bàn ghế nghe cũng được rồi. Ngài nói: *“Vậy thì được, vậy thì chẳng có vấn đề”*. Ngài nói tiếp: *“Ở Hồng Kông còn có một nhóm người chuyên môn gây phiền phức, chuyên môn làm cho các vị Pháp sư gặp phải khó khăn. Ông phải cẩn thận, phải lưu ý điều này”*. Tôi trả lời: *“Đạ được, những người đến để gây phiền phức, chúng con cũng có thể tăng thêm chút ít kiến thức, được học thêm nhiều thứ, ắt hẳn đây là chuyện tốt”*. Tôi cứ liên tục giảng Kinh, hình như mỗi ngày đều có nhiều người đến nghe. Pháp sư Thường Hoài nói pháp duyên của tôi khá lắm, pháp duyên rất là thù thắng. Bốn tháng trôi qua rất là thuận lợi, nhóm người gây phiền phức đó cũng thường xuyên đến nghe. Sau đó tôi cũng quen với họ, họ còn mời tôi đi dùng cơm, không còn gây phiền phức nữa. Cho nên những chuyện này Thế Tôn tuy là đức năng trên quả địa Như Lai, chúng ta cũng phải nên học tập.

Vô sở úy chia thành bốn loại lớn, gọi là tứ vô sở úy.

Loại thứ nhất là “nhất thiết trí vô sở úy”. Hay nói cách khác, không những Phật pháp các bạn phải thật sự tu học, phải khế nhập cảnh giới. Nếu chỉ là ở trong chú sớ của Kinh điển, trên bề mặt của văn tự mà công phu thì khó khăn, bạn mà gặp phải những người chuyên gây phiền phức, bạn sẽ không có cách đối phó. Đồng thời phải có kiến thức phổ thông thật là phong phú. Chỗ đặc lực của bản thân tôi là từ nhỏ đã thích đọc sách, sách tôi đọc rất là nhiều loại, vì vậy kiến thức rất là phong phú, đến sau này đi ra giảng Kinh hoàng pháp có được sự giúp đỡ rất lớn.

Năm xưa lão sư Lý dạy cho chúng tôi, khi lên đài giảng thì phải thông suốt pháp thế gian và pháp xuất thế gian, bản thân phải giữ mãi cái tâm khiêm tốn,

nhất định không thể ở trên giảng đài làm ra điệu bộ của bậc thầy. Cái dáng vẻ này e rằng trong tương lai sẽ gặp trở ngại. Cho nên chúng ta trước cũng như sau, khi ở trên giảng đài phải luôn nghĩ mình là học trò, người ở dưới đài là lão sư, là giám thị, nếu ta giảng sai thì mời họ chỉ giáo. Đây là chúng ta lột sẵn những bậc thang, cho nên khi xuống đài cũng dễ dàng. Trước tiên nên lột sẵn những bậc thang, nhất định không được nghĩ mình là bậc thầy. Điều này không thể được. Khi mà lão sư Lý dạy cho tôi, Ngài đã 70 tuổi rồi. Tôi theo Ngài được mười năm, từ đầu đến cuối Ngài dạy học, cách xử sự đối người tiếp vật luôn mang dáng vẻ rất là khiêm tốn, một chút ý niệm ngạo mạn cũng chẳng có. Thái độ này thì hoàn toàn không có. Điều này rất đáng để cho chúng ta học theo. Học tập mãi điều này, dù cho bạn đã đại triệt đại ngộ rồi thì càng phải khiêm tốn. Người thật sự có đạo đức, thật sự có học vấn thì họ lại càng khiêm tốn. Người xưa thường hay nói rằng học thức càng sâu thì tánh khí bình, thật sự là tâm bình khí hòa, mỗi phút mỗi giây đều vui vẻ tiếp nhận sự chỉ bảo của người khác.

Những người dạy họ thật ra cũng không bằng họ, nhưng mà các bạn nên biết, người xưa cũng có nói, người ngu họ cũng có điều tâm đắc. Bạn hãy tỉ mỉ mà quan sát, người có sở trường thì cũng có khuyết điểm, người có nhiều khuyết điểm họ vẫn có sở trường, cái sở trường đó cũng đáng để cho chúng ta học hỏi. Cho nên “*Thánh nhân vô thường sư*”, chính là tất cả chúng sanh đều là thầy của ta, vấn đề là bạn có biết học hay không. Chân thật biết học thì ở Thế giới Cực Lạc có sáu trần thuyết pháp, sáu trần diễn pháp. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Có ai mà không phải là lão sư của chúng ta? Tất cả mọi người đều là lão sư của chúng ta, tất cả động vật thực vật núi sông đất đai không một thứ nào mà không phải là lão sư, điều then chốt là bản thân mình có biết học hỏi hay không, có thể thể hội ở trong cuộc sống hàng ngày được hay không. Làm được như vậy thì sẽ thành tựu nhất thiết trí.

Nói đến trí huệ, nhà Nho và nhà Phật cũng đều coi trọng pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Mục đích giáo học của người xưa chính là mở mang trí huệ. Chỉ có mở mang trí huệ thì bạn mới giải quyết được vấn đề. Nhỏ là vấn đề của cá nhân, là vấn đề cuộc sống của cá nhân, là vấn đề sanh tử của cá nhân; lớn là vấn đề của thiên hạ quốc gia, chỉ có trí huệ chân thật thì mới giải quyết được, cho nên trí huệ là quý báu. Trí huệ từ đâu mà có? Trí huệ là từ nơi tự tánh mà có được. Tất cả chúng sanh đều có bốn tánh, ở trong Phật pháp gọi là Phật tánh, gọi là pháp tánh, tất cả chúng sanh cả thầy đều có, đức năng vốn có của pháp tánh. Cái đức của chúng sanh chính là trí huệ, năng lực, tướng hảo. Cái năng lực của chúng sanh

chính là thấy - nghe - hay - biết. Có thể thấy, có thể nghe, có thể hay, có thể biết, cái đức năng này là không sanh không diệt, ở trong Phật pháp thường nói, ở nơi Phật không tăng, ở nơi phàm không giảm, nó chính là cứu cánh viên mãn. Cái cứu cánh viên mãn này là sự thật. Ở tại chư Phật và Bồ Tát (chúng ta nói Bồ Tát đều là nói Pháp Thân Đại Sĩ), đức năng của các Ngài đều là hiển thị ra ngoài, thật sự là nó có tác dụng, các Ngài đều thọ dụng được.

Còn phàm phu chúng ta, đức năng của chúng ta có thể là giống như Phật, nhưng đức năng này hoàn toàn ẩn mất rồi, chưa thể hiện ra, cho nên cuộc sống của chúng ta khổ như vậy đó, ở trong sáu nẻo vẫn phải chịu đau khổ. Là do nguyên nhân gì vậy? Ở trong Kinh Phật nói với chúng ta rất là rõ ràng, chính là chúng ta mê mất tự tánh rồi, cũng là nói đã mê mất đức năng vốn có ở trong tự tánh rồi. Phật dùng hai từ mê mất, hoàn toàn không phải là mất thật sự. Đến khi bạn đã giác ngộ rồi thì đức năng trí huệ của các bạn sẽ khôi phục lại. Cho nên giữa phàm và Thánh chỉ là mê và ngộ mà thôi. Phàm phu giác ngộ chính là Phật Bồ Tát, không giác ngộ thì là phàm phu.

Mục đích giáo học của Thánh Hiền thế xuất thế gian là gì? Là giúp cho tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ. Chính là dạy điều này, không dạy những thứ khác. Dạy cho bạn giác ngộ. Nhà Nho giáo học nói là cầu ngộ tánh, Phật pháp đối với sự ngộ tánh thì càng xem trọng hơn. Kinh điển Đại thừa chúng tôi đã đọc rất nhiều, cũng đã học rất nhiều năm, bản thân tuy là chưa có khế nhập cảnh giới này, những lời Phật dạy ở trong Kinh chúng tôi cũng đã thể hội được mấy phần, hiểu được ý nghĩa này.

Vừa rồi có mấy vị đồng tu đến tìm tôi, cùng với tôi nói chuyện hơn một giờ đồng hồ, cùng thảo luận “Kinh Lăng Nghiêm”. Đại Sư Giao Quang giảng “Kinh Lăng Nghiêm” có nói bỏ thức dùng căn. Nếu như chúng ta đều biết bỏ thức dùng căn thì không phải mọi người đều đã thành Phật rồi sao? Phật và pháp thân Bồ Tát đều là khác với chúng ta, chính là các Ngài dùng căn. Căn chính là căn tánh của sáu căn. Căn tánh của sáu căn chính là Phật tánh, chính là chân như bản tánh, ở nơi mắt là thấy, ở nơi tai là nghe, ở nơi mũi lưỡi thân là cảm giác, ở nơi ý là biết, chính là thấy - nghe - hay - biết. Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát các Ngài biết dùng. Chúng ta cũng dùng, nhưng vì sao chúng ta dùng lại không giống với chư Phật Như Lai? Chúng ta dùng mà có sự xen tạp bên trong. Chư Phật Bồ Tát các Ngài không có xen tạp, các Ngài dùng cái thấy - nghe - hay - biết thật sự là thuần tịnh. Chúng ta dùng sự thấy - nghe - hay - biết này bên trong có xen tạp

vọng tưởng, xen tạp phân biệt, xen tạp chấp trước, như vậy là hỏng rồi, như vậy là trở thành phàm phu rồi.

Cái thấy của Phật Bồ Tát giống như cái gì? Giống như một cái gương. Bạn thấy cái gương in bóng ảnh ở bên ngoài rất là rõ ràng, không bị nhiễm một chút nào. Rồi bỏ cảnh vật bên ngoài cái gương trở nên trống không, ngay trong lúc đang soi, cái gương vẫn là trống không, đây chính là Phật Bồ Tát. Còn cái thấy của chúng ta thì giống cái gì? Giống như là cái chụp hình có phim, chụp một lần thì lưu lại một tấm hình, chụp lần nữa thì lưu thêm một tấm nữa, bên trong đã trở nên hỗn độn rồi. Nếu chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thật sự làm được không khởi tâm không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, cảnh vật ở bên ngoài rất là rõ ràng, đó là huệ, đó là trí chiếu, là chiếu kiến, đó là giác chiếu trí huệ. Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây là đại định, không nhiễm một chút nào. Chúng ta khác Phật là ở tại chỗ này. Chúng ta vừa mở mắt ra, cái ý niệm đầu tiên (Tổ sư Đại đức thường nói cái niệm thứ nhất), cái niệm thứ nhất chính là bạn vẫn chưa khởi tâm động niệm, khi mở mắt nhìn ra bên ngoài thì ngay lúc đó cũng giống như chư Phật Như Lai, gọi là thấy tánh thấy. Thấy tánh thấy, thấy sắc tánh, không gọi là sắc trần mà gọi là thấy tánh thấy sắc tánh, ở trong Thiền tông gọi là minh tâm kiến tánh. Nhưng vô cùng đáng tiếc, đến niệm thứ hai thì liền xen tạp, không giữ được niệm thứ nhất. Niệm thứ hai thì xen tạp, liền khởi tâm động niệm, liền phân biệt chấp trước, vậy là đọa lạc rồi. Cho nên chúng ta thường xem thấy ở trong Kinh Đại thừa, trong mắt của Phật đều xem tất cả chúng sanh là chư Phật Như Lai. Chúng ta thì không biết. Thật ra lời của Phật nói là chân thật, vì sao vậy? Vì sáu căn của bạn khởi tác dụng, niệm niệm đều là niệm thứ nhất. Niệm niệm đều xen tạp hai ba, xen tạp hai chính là phân biệt chấp trước, xen tạp ba chính là cộng thêm vọng tưởng, như vậy mới trở thành phàm phu, đem trí huệ vốn có ở trong tự tánh của bạn đánh mất đi. Phật Bồ Tát hy vọng chúng ta hồi đầu giác ngộ. Vừa giác ngộ thì trí huệ viên mãn ở trong tự tánh liền hiện ra. Cho nên phải biết vọng tưởng phân biệt chấp trước ở trong pháp Đại thừa gọi là phiền não. Vọng tưởng là vô minh phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não. Ba cái phiền não lớn này khiến cho chúng ta mê mất đi trí huệ đức tướng của tự tánh mà không thể chứng đắc. Phật và pháp thân Bồ Tát đều biết chân tướng sự thật này, cho nên các Ngài dụng công phu là dùng như thế nào? Là ở trong cuộc sống hàng ngày, trong việc xử sự đối người tiếp vật mà tu định. Tu như thế nào? Thấy sắc, nghe tiếng phải học không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước.

Học những điều này là đại định, thật sự là không bị những cảnh bên ngoài làm ảnh hưởng (Phật pháp gọi là bị cảnh chuyển). Các Ngài thì không bị cảnh chuyển. Cái chuyển này ngày nay chúng ta gọi là bị ảnh hưởng. Các Ngài không bị cảnh ở bên ngoài làm ảnh hưởng, các Ngài hiểu rất rõ ràng, rất là minh bạch, định huệ đồng vận, cho nên trí huệ của các Ngài là viên mãn, bất luận là bạn đã học qua hay là chưa có học qua, chỉ cần vừa tiếp xúc là thông đạt liền, thì sẽ không có chướng ngại. Vì sao vậy? Vì từ nơi tự tánh mà lưu lộ ra. Tự tánh là viên mãn, tự tánh không có chướng ngại. Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Phật có cái năng lực này, có trí huệ cứu cánh viên mãn, không gì không biết. Cho nên quý vị hãy xem ở trong Đại Tạng Kinh, có rất nhiều bộ Kinh thật là kỳ lạ, đều là Phật nói, thí dụ như “Kinh Chấn Trâu”. Tôi tin rằng người hỏi vấn đề này là họ muốn gây rắc rối, Thích Ca Mâu Ni Phật chắc chắn là chưa có chấn trâu lần nào, xuất thân của Ngài là Hoàng tử thì làm sao Ngài đi chấn trâu được chứ? Họ hỏi Ngài cách chấn trâu, bạn hãy xem, Thích Ca Mâu Ni Phật nói về việc nuôi trâu chấn trâu, nên chú ý những sự việc gì Ngài nói rất là rõ ràng, giống như Ngài thật sự là đã làm qua nghề chấn trâu rồi vậy, giống như một chú bé chấn trâu vậy, bạn hỏi Ngài, Ngài liền biết, Ngài liền trả lời cho bạn rất là rõ ràng. Nếu chúng ta gặp phải vấn đề này thì sẽ không trả lời được, vì sao vậy? Vì chưa có chấn trâu lần nào. Đây là nhất thiết trí vô sở úy. Cho nên, chúng ta phải cầu trí huệ.

Cầu trí huệ phải có trình tự, trước tiên là cầu căn bản trí, sau đó thì thành tựu hậu đắc trí. Điều này trong Phật pháp Tổ Tổ tương truyền, chúng ta không thể không biết được.

Thế nào gọi là căn bản trí? Căn bản trí gọi là vô tri. Trong “Kinh Bát Nhã” có nói “*Bát nhã vô tri vô sở bất tri*”, cho nên nếu bạn muốn thành tựu vô sở bất tri, thì trước tiên bạn phải cầu vô tri. Cái gì là vô tri? Vô tri chính là tu định. Cho nên, phương pháp cầu học hiện nay vĩnh viễn là sẽ không khai trí huệ. Vì sao vậy? Vì họ không biết tu căn bản trí. Không tu căn bản trí thì làm sao có hậu đắc trí? Các vị hãy xem luận Duy Thức của Đường Đại Viên cư sĩ, trong đó ông nói rất rõ ràng, tiếc là người học Phật ngày nay không tuân theo phương pháp truyền thống của người xưa, lơ là căn bản trí, cho nên không thể nào có được hậu đắc trí. Người xưa dạy học, kể cả nhà Nho (thực tại mà nói nhà Nho chịu sự ảnh hưởng của nhà Phật rất lớn), căn bản trí bồi dưỡng vào lúc nào? Còn trẻ thơ. Phương pháp giáo học này tuyệt diệu, tuyệt diệu vô cùng.

Trẻ con ở vào thời xưa, trong sách xưa có nói 7 tuổi là đi học. Trường tiểu học ngày xưa không giống như hiện nay của chúng ta. Trường tiểu học ngày xưa

chính là dạy những nề nếp chuẩn mực cơ bản của cuộc sống như quét dọn, cách ứng phó, thật sự thì trẻ em không có hoạt bát như trẻ em ở nước ngoài. Tại sao vậy? Vì trẻ em ngoại quốc thích vui đùa, đi chơi, trẻ em Trung Quốc phải lo học tập, bài vở rất nhiều, dạy các em phải theo quy củ, từng hành động lời nói cũng đều phải dạy. Ngoài những điều này ra còn phải dạy các em đọc sách. Đọc sách không cần giảng giải, chỉ dạy cho các em đọc, dạy học thuộc lòng. Đây là cái gì? Đây chính là tam học giới-định-huệ một lần hoàn thành. Giới là gì? Giới là quy củ. Khi bạn đọc sách, ngồi đọc cũng được, đứng đọc cũng được, đều phải có quy củ. Giữ quy củ chính là trì giới. Bạn đọc sách phải đọc cho thuộc, tâm của bạn tập trung vào quyển sách, không thể suy nghĩ chuyện này chuyện kia, đây chính là định. Dùng phương pháp này để dẹp bỏ hết tất cả các vọng tưởng tạp niệm, đây là thuộc về tu định. Khi đọc sách phải đọc cho rõ ràng, từng chữ đọc kỹ càng, từng câu đọc không lẫn lộn, đây là huệ. Cái huệ này chính là căn bản trí. Cho nên, bạn thấy từ 7 tuổi bắt đầu đọc sách, đến khoảng 12 - 13 tuổi thì tâm của các em đã định rồi, những bài cần học thuộc lòng thì toàn bộ đã học thuộc, đều có thể nhớ lại hết. Ngày xưa, trường học không có bậc trung học, từ Tiểu học thì vào Thái học. Thái học chính là Đại học. Trong Trường Đại học dạy những điều gì? Khi các em còn nhỏ đã học thuộc lòng các Kinh sách, bây giờ thì giảng giải cho bạn nghe, cùng nghiên cứu và thảo luận với bạn, gọi là hậu đắc trí. Trước tiên học thuộc lòng, đó là căn bản trí. Cho nên chúng ta hãy xem người xưa, bạn đọc trong truyện ký bạn sẽ thấy được, có những vị trí huệ cao, mới 18 - 19 tuổi thì đã thi đậu tiến sĩ rồi. Thi đậu cử nhân, thi đậu tiến sĩ, nhà chức trách liền bổ nhiệm cho họ đi làm huyện trưởng, thị trưởng, họ có thể giải quyết công việc hợp tình hợp lý. Bây giờ chúng ta nhìn thấy trẻ em, các em thật sự có trí huệ, thật sự có năng lực này, từ nhỏ được dạy dỗ kỹ càng, thế hệ thanh niên và các em nhỏ ngày nay tuyệt đối là không có kém hơn ngày xưa, chỉ là do tiếp nhận phương thức giáo dục khác nhau, tiếp nhận nội dung giáo dục không như nhau, xác thực là không thể so cùng với người xưa. Thời xưa chính là những năm đầu Dân Quốc, không tính xa hơn. Vào năm Dân Quốc thứ mười mấy, những bài văn do các cháu 11 - 12 tuổi viết, những sinh viên của Học viện Văn học ngày nay không cần phải nói là không viết được, mà xem cũng không hiểu. Đây là nói đến trình độ quốc văn đã xuống dốc rất là nghiêm trọng. Người xưa thật sự là có trí huệ, thanh niên bây giờ thì không có trí huệ. Họ có được cái gì? Là kiến thức phổ thông, kiến thức phổ thông thì phong phú, nhưng họ không có trí huệ. Có trí huệ là biết phán đoán điều đúng sai, chánh tà, lợi hại, được mất. Nếu họ có khả năng phán đoán này thì mới gọi là trí huệ. Người ở trong thời đại hiện nay thì không có trí huệ.

Trong Phật pháp là cầu trí huệ, vẫn dùng phương pháp cũ là “*thâm nhập một môn huân tu lâu dài*”. Nếu không dùng phương pháp này, thực tại mà nói, không nghĩ ra phương pháp thứ hai có thể giúp cho mọi người thành tựu định huệ một cách hiệu quả. Thật là không có cách nào. Ở trong thế giới hiện nay, ma đến quá nhiều, chúng ta đã bị ma hại, hầu như mọi người đều không có cách tránh khỏi. Ma vương lớn nhất là người nào? Chính là cái truyền hình ở trong nhà bạn. Hiện nay vẫn còn có cái lợi hại hơn truyền hình, đó là internet. Những đứa con nhỏ ở trong gia đình bạn vẫn còn đi học, mỗi ngày đều lên mạng. Cái này còn lợi hại hơn truyền hình nữa, con ma này có thể hủy diệt cả thế giới, đem cái thế giới này đến ngày tận thế. Thật là nguy hiểm. Chính phủ Singapore đã có kế hoạch, đối với truyền hình thì quản lý tương đối chặt chẽ. Bạn xem ở nước Mỹ, vừa mở truyền hình lên thì có hơn 100 đài, thật là hỗn độn, ngày đêm không ngừng. Ở Singapore thì có thể không chế được một chút. Muốn thế giới này không có ngày tận thế, thế giới này không có tai nạn là không thể được rồi. Đến lúc nào thì không còn tai nạn? Ngày tận thế có thể hóa giải được không? Khi mà thế giới này không còn truyền hình, không còn internet, như vậy thiên hạ mới thái bình. Những thứ này hàng ngày đang nhiễu loạn lòng người, mang cho bạn những thông tin đều là tà tri tà kiến, trí huệ ở đâu ra?

Ngày trước, hình như là vào năm 1988, lần đầu tiên tôi trở về thăm Trung Quốc, Triệu Phác lão có nói chuyện với tôi về vấn đề nền văn hóa vốn có của Trung Quốc. Lúc đó cũng có mấy người nữa đều rất lo lắng, hy vọng là có thể mở một trường học có thể đào tạo nền văn hóa vốn có của Trung Quốc, đào tạo nhân tài của nền văn hóa này, về sau không biết có thực hiện được hay không. Điều này rất là quan trọng, nhưng cuối cùng có thể thu được hiệu quả hay không, đó vẫn là câu hỏi. Phải xem duyên phận, chính là bạn thu nhận học trò đến học, họ thật sự là có thể giữ được quy củ hay không. Tuân theo tư tưởng giáo học của người xưa chính là thâm nhập một môn huân tu lâu dài, có thể đoạn được hết duyên bên ngoài. Cái duyên bên ngoài rất là quan trọng. Chúng tôi thường nói không xem báo chí, không xem tạp chí, truyền thanh truyền hình ở trong trường học cả thầy đều không có, thì tâm của họ mới định lại được. Phải luyện tập như vậy ít nhất là 10 năm trở lên thì tâm của bạn mới thật sự định, trí huệ mới khai ra, mới có khả năng phân biệt thiện ác đúng sai, như vậy bạn có thể đi ra ngoài, không cần gấp gáp, bấy giờ cái gì bạn cũng có thể tiếp xúc, bạn có khả năng phân biệt chánh tà, có khả năng phân biệt đúng sai, bản thân của bạn có thể không bị

duyên bên ngoài làm hại. Chưa có khả năng này thì chưa được. Cho nên bất luận là pháp thể gian hay xuất thể gian, nhất định là phải học thâm nhập một môn.

Người sơ học không học gì khác, người sơ học nên tu định huệ. Người sơ học không thể nghiên cứu, tại sao vậy? Nghiên cứu là dùng tâm ý thức. Dùng tâm ý thức đó chính là vọng tưởng phân biệt chấp trước. Không cần nói đến Phật pháp, lời dạy của Thánh nhân thể gian cũng đều là từ trong tự tánh mà lưu lộ ra. Từ trong tự tánh lưu lộ ra chúng ta gọi là chân ngôn, là thuần chân không vọng, chúng ta mà dùng vọng tưởng thì làm sao mà có thể thể hội được ý nghĩa chân thật của nó. Giống như trong bài kệ khai Kinh có nói: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, bạn làm sao có thể thể hội được? Bạn dùng định huệ thì thể hội được, bạn mà dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước thì không thể hội được. Cho nên, không thể không biết căn bản trí, không thể không xem trọng việc tu học căn bản trí. Căn bản trí chân thật chính là tâm địa thuần tịnh thuần thiện. Tịnh thì sanh huệ, thiện thì sanh phước, phước huệ của bạn mới hiện tiền. Bạn không bắt đầu từ chỗ này thì phước huệ của bạn ở đâu mà có? Khi trí huệ khai rồi chính là bạn đã có định, có huệ, sau đó có thể ra ngoài mà tham học. Đi tham học chính là điều gì cũng đều có thể tiếp xúc được, có thể tiếp xúc với tất cả mọi người, tất cả sự vật, tất cả việc đều có thể tiếp xúc, vì bạn đã khai trí huệ rồi. Tiếp xúc là thành tựu hậu đắc trí. Hậu đắc trí là không gì không biết, lúc đó bạn học cái gì cũng nhanh, vừa tiếp xúc thì thông đạt, hiểu rõ.

Cho nên chúng ta xem trong truyện ký thấy Bồ Tát Long Thọ học Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật trong 49 năm đã nói tất cả Kinh điển, Bồ Tát Long Thọ chỉ học xong trong ba tháng. Đây là nguyên nhân gì? Vì trí huệ hiện tiền, Ngài đã có căn bản trí. Bồ Tát Long Thọ trong ba tháng đã học hết Kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong 49 năm, có thể tin được không? Có thể. Dựa vào cái gì để mà tin? Ở đất nước chúng ta cũng có xuất hiện một vị, đó là Đại Sư Lục Tổ Huệ Năng của Thiền tông. Ngài không biết chữ, Ngài cũng không có tiếp xúc qua pháp thể gian và pháp xuất thể gian, tâm của Ngài thì thuần tịnh thuần thiện. Cái tâm thuần tịnh thuần thiện của Ngài đã khởi tác dụng, Kinh điển Đại thừa Ngài chưa từng tiếp xúc qua vì Ngài không biết chữ, bạn vừa đọc cho Ngài nghe là Ngài hiểu liền, Ngài sẽ giảng giải cho bạn rất rõ ràng. Cho nên, Bồ Tát Long Thọ chỉ trong ba tháng có thể thông đạt Đại Tạng Kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta có thể tin, giống như Ngài Huệ Năng cũng làm được. Đó là do nguyên nhân gì? Các Ngài đã thành tựu căn bản trí rồi. Cho nên căn bản trí chính là định huệ.

Giới ở trong định gọi là định cộng giới. Khi trí huệ đã khai rồi thì gọi là đạo cộng giới, chẳng có thứ nào mà không viên mãn. Nhập vào được cảnh giới này đương nhiên tiếp xúc với đại chúng thì thân nhiên không sợ, chân thật có thể giúp cho tất cả chúng sanh giải quyết những vấn đề nghi nan khó giải.

Loại thứ hai là “lậu tận vô sở úy”. Chữ lậu này là danh từ thay cho phiền não, lậu tận chính là phiền não đã đoạn tận hết. Đây là thuộc về đức hạnh, loại trước là thuộc về học vấn. Trí huệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh hiện tiền. Phiền não đoạn hết chính là đã thành tựu đức hạnh, thì trước đại chúng không còn cái tâm sợ sệt. Phật đã dạy chúng ta, phải bắt đầu từ chỗ nào? Phải bắt đầu từ việc đoạn phiền não. Phát tứ hoằng thệ nguyện không những là cương lĩnh hoằng nguyện của tất cả chư Phật Như Lai, mà cũng là theo thứ tự từ sơ phát tâm của tất cả chư Phật đến sự tu học thành vô thượng đạo, điều trước tiên là phải phát nguyện. Nguyện là lối hành đạo, dẫn dắt bạn tu hành, cho nên phát nguyện rất quan trọng. Phật pháp gọi là phát nguyện, người thế gian gọi là lập chí. Con người mà không có chí thì cả cuộc đời của họ nhất định sẽ không thành tựu. Bạn mà có chí hướng, bạn có mục tiêu, có phương hướng, bạn kiên trì không thay đổi thì nhất định bạn sẽ thành tựu.

Cho nên Phật muốn chúng ta phát nguyện, nguyện thứ nhất là độ chúng sanh: **“*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”**. Chữ độ này là người xưa nói, nếu dùng lời hiện nay mà nói chính là giúp đỡ, trợ giúp. Ai có khổ nạn thì nên giúp đỡ họ giải quyết, giúp đỡ họ phá mê khai ngộ, đây là khoa mục quan trọng nhất của Phật pháp đối với tất cả chúng sanh, giúp cho chúng sanh khai ngộ. Đây là mục tiêu chủ yếu của việc giáo học, những điều khác hoàn toàn là bổ sung thêm. Việc giáo học có thành tích hay không, có hiệu quả hay không, thì xem điều bạn đã dạy cho các học trò, họ có giác ngộ hay không. Có giác ngộ đó chính là Phật Bồ Tát, người thế tục chúng ta gọi là tu hành chứng quả. Cái được gọi là chứng quả chính là chứng được trí huệ viên mãn, chứng được năng lực viên mãn, chứng được tướng hảo viên mãn. Cái tướng hảo này người thế gian chúng ta gọi là phước báo. Tất cả đều là vốn đã có từ nơi tự tánh, không phải có từ bên ngoài. Tự tánh đã mê mất rồi thì ba thứ đức năng này cũng sẽ mất. Cái mất này không phải là mất thật sự mà chỉ là mê mất, đến lúc nào giác ngộ thì lúc đó sẽ phát hiện ra, đức năng sẽ hiện tiền. Phật dạy cho chúng ta phát cái nguyện này.

Sau khi đã phát nguyện xong thì bạn phải nên thực hiện. Nguyện này không phải là nguyện suông, bạn nên làm cho tròn. Phải làm cho tròn chính là đã thành tựu cho mình trước tiên. Bản thân mình không thể thành tựu thì làm sao có thể

giúp được người khác. Ta muốn độ chúng sanh thì trước tiên phải độ chính mình. Sau khi tự độ cho mình rồi thì bạn mới có năng lực độ người khác.

Tự độ mình phải nên bắt đầu từ đâu? Từ chỗ đoạn phiền não mà bắt đầu: “**Phiền não vô tận thế nguyện đoạn**”. Cho nên căn bản trí chính là đoạn phiền não, “**Pháp môn vô lượng thế nguyện học**” chính là hậu đắc trí. Mục tiêu của việc đoạn phiền não chính là khôi phục tâm thanh tịnh, đặc biệt là Tịnh Độ tông. Tịnh Độ tông chính là tu tâm thanh tịnh. Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của việc tu học Phật pháp chính là giác chánh tịnh.

Thiền tông, Tánh tông là từ cửa giác đi vào, được đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Giác ngộ rồi thì tâm địa đương nhiên thanh tịnh, đương nhiên là chánh tri chánh kiến. Nhưng mà cửa giác không phải là người thông thường có thể đi vào, cổ đức thường nói với chúng ta phải là người thượng căn lợi trí, người căn tánh trung hạ thì không đi được con đường này. Ở trong pháp có nói, pháp môn thì bình đẳng không có cao thấp, nhưng trình độ của chúng ta thì không giống nhau, chúng ta không có năng lực cao như vậy, học pháp môn đó sẽ gặp khó khăn.

Kể đến đó là Giáo Hạ. Giáo Hạ là đi từ cửa chánh. Cửa chánh là chánh tri chánh kiến. Ở trong Phật giáo nước ta, ngoại trừ Thiền tông, Mật tông, Tịnh Độ tông ra thì đều thuộc về Giáo Hạ. Giáo Hạ thì sách giáo khoa rất nhiều, đi dần từ cạn đến sâu, dần dần đưa bạn lên cao. Ở chỗ này chúng ta phải nên biết, ở trong Giới Kinh, Thế Tôn có nói với chúng ta, trước không học Tiểu thừa mà học Đại thừa thì không phải là đệ tử Phật. Đây là nói với Giáo Hạ. Bạn bắt đầu học từ đâu? Từ Tiểu thừa sau đó mới vào Đại thừa. Cái ý này chính là học theo trình tự, giống như lúc bạn đi học, bạn phải bắt đầu từ tiểu học, trung học, đại học, nghiên cứu sở, dần dần hướng lên cao. Đây là lời dạy của Phật. Không học Tiểu thừa mà học Đại thừa, Phật nói không thể như vậy được, bạn không thể có thành tựu. Đây là Giáo Hạ.

A Di Đà Phật!

Cẩn dịch: Vọng Tây cư sĩ